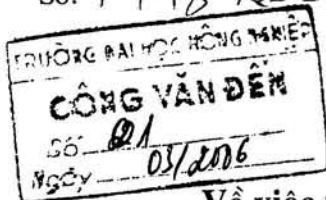


Số: 7448 /QĐ-BGD&ĐT



Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung  
đối với cán bộ, viên chức năm 2005**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;
- Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức;
- Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức;
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2005 cho 389 cán bộ, viên chức Trường Đại học Nông nghiệp 1.(có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp 1 và cán bộ, viên chức có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu VT, TCCB



**Nguyễn Văn Vọng**



## DANH SÁCH CÁN BỘ VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG NĂM 2005

(Kèm theo Quyết định số: 7448 /QĐ-BGD&amp;ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tổng số cán bộ viên chức ở cơ quan đơn vị có mặt tại thời điểm báo cáo:

871 người

| STT                                                  | Họ và tên       |        | Năm sinh |      | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc |                 |       |                            |                      | Kết quả nâng bậc lương trong năm 2005 |                 |       |                            |                                              | Ghi chú |                                                      |
|------------------------------------------------------|-----------------|--------|----------|------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------|-------|----------------------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------|-------|----------------------------|----------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|
|                                                      |                 |        | Nam      | Nữ   |                                            | Mã số ngạch                                     | Bậc trong ngạch | Hệ số | HSCL bảo lưu hoặc % PCTNVK | Thời gian được hưởng | Mã số ngạch                           | Bậc trong ngạch | Hệ số | HSCL bảo lưu hoặc % PCTNVK | Thời gian tính nâng bậc, hoặc PCTNVK lần sau |         | Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và PCTNVK trong năm |
| 1                                                    | 2               |        | 3        | 4    | 5                                          | 6                                               | 7               | 8     | 9                          | 10                   | 11                                    | 12              | 13    | 14                         | 15                                           | 16      | 17                                                   |
| I. CÁN BỘ VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN |                 |        |          |      |                                            |                                                 |                 |       |                            |                      |                                       |                 |       |                            |                                              |         |                                                      |
| 1                                                    | Phạm Quyết      | Chiến  | 1948     |      | Đại học                                    | 01.002                                          | 4               | 5.42  |                            | 10/2001              | 01.002                                | 5               | 5.76  |                            | 10/2005                                      | 357,000 |                                                      |
| 2                                                    | Nguyễn Văn      | Thế    | 1952     |      | Đại học                                    | 01.002                                          | 4               | 5.42  |                            | 04/2002              | 01.002                                | 5               | 5.76  |                            | 04/2005                                      | 948,600 |                                                      |
| 3                                                    | Lê Văn          | Muôn   | 1958     |      | Đại học                                    | 01.003                                          | 6               | 3.99  |                            | 09/2002              | 01.003                                | 7               | 4.32  |                            | 09/2005                                      | 442,200 |                                                      |
| 4                                                    | Lê Thị Hoàng    | Yến    |          | 1956 | Đại học                                    | 01.003                                          | 5               | 3.66  |                            | 12/2002              | 01.003                                | 6               | 3.99  |                            | 12/2005                                      | 115,500 |                                                      |
| 5                                                    | Đỗ Xuân         | Thắm   | 1963     |      | Đại học                                    | 01.003                                          | 4               | 3.33  |                            | 06/2002              | 01.003                                | 5               | 3.66  |                            | 06/2005                                      | 729,300 |                                                      |
| 6                                                    | Nguyễn Thị      | Cúc    |          | 1964 | Thạc sỹ                                    | 01.003                                          | 3               | 3.00  |                            | 05/2002              | 01.003                                | 4               | 3.33  |                            | 05/2005                                      | 825,000 |                                                      |
| 7                                                    | Trần Tất        | Nhật   | 1976     |      | Thạc sỹ                                    | 01.003                                          | 1               | 2.34  |                            | 05/2002              | 01.003                                | 2               | 2.67  |                            | 05/2005                                      | 825,000 |                                                      |
| 8                                                    | Trần Thị Thanh  | Phương |          | 1976 | Đại học                                    | 01.003                                          | 1               | 2.34  |                            | 05/2002              | 01.003                                | 2               | 2.67  |                            | 05/2005                                      | 825,000 |                                                      |
| 9                                                    | Lê Ngọc         | Tú     |          | 1976 | Đại học                                    | 01.003                                          | 1               | 2.34  |                            | 05/2002              | 01.003                                | 2               | 2.67  |                            | 05/2005                                      | 825,000 |                                                      |
| 10                                                   | Nguyễn Thị Hoài | Hương  |          | 1969 | Đại học                                    | 01.004                                          | 2               | 2.06  |                            | 09/2003              | 01.004                                | 3               | 2.26  |                            | 09/2005                                      | 268,000 |                                                      |
| 11                                                   | Lê Thị Thu      | Nhân   |          | 1974 | Đại học                                    | 01.004                                          | 1               | 1.86  |                            | 01/2003              | 01.004                                | 2               | 2.06  |                            | 01/2005                                      | 732,000 |                                                      |
| 12                                                   | Bùi Thị Kim     | Vân    |          | 1969 | Đại học                                    | 01.004                                          | 1               | 1.86  |                            | 09/2003              | 01.004                                | 2               | 2.06  |                            | 09/2005                                      | 268,000 |                                                      |
| 13                                                   | Nguyễn Năng     | Bình   | 1959     |      | CN-SơCấp                                   | 01.007                                          | 11              | 3.45  |                            | 11/2003              | 01.007                                | 12              | 3.63  |                            | 11/2005                                      | 126,000 |                                                      |
| 14                                                   | Lê Đức          | Hùng   | 1959     |      | CN-SơCấp                                   | 01.007                                          | 11              | 3.45  |                            | 12/2003              | 01.007                                | 12              | 3.63  |                            | 12/2005                                      | 63,000  |                                                      |
| 15                                                   | Lê Thị Bích     | Liên   |          | 1961 | CN-SơCấp                                   | 01.007                                          | 11              | 3.45  |                            | 09/2003              | 01.007                                | 12              | 3.63  |                            | 09/2005                                      | 241,200 |                                                      |
| 16                                                   | Nguyễn Bá       | Minh   | 1960     |      | CN-SơCấp                                   | 01.007                                          | 11              | 3.45  |                            | 12/2003              | 01.007                                | 12              | 3.63  |                            | 12/2005                                      | 63,000  |                                                      |
| 17                                                   | Nguyễn Đắc      | Minh   | 1963     |      | CN-SơCấp                                   | 01.007                                          | 11              | 3.45  |                            | 12/2003              | 01.007                                | 12              | 3.63  |                            | 12/2005                                      | 63,000  |                                                      |

| 1  | 2               |        | 3    | 4    | 5         | 6      | 7  | 8    | 9 | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16        | 17 |
|----|-----------------|--------|------|------|-----------|--------|----|------|---|---------|--------|----|------|----|---------|-----------|----|
| 18 | Nguyễn Thị Hồng | Sa     |      | 1960 | CN-SơCấp  | 01.007 | 11 | 3.45 |   | 12/2003 | 01.007 | 12 | 3.63 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 19 | Nguyễn Văn      | Thắng  | 1962 |      | CN-SơCấp  | 01.007 | 11 | 3.45 |   | 12/2003 | 01.007 | 12 | 3.63 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 20 | Nguyễn Đăng     | Thắng  | 1962 |      | CN-SơCấp  | 01.007 | 11 | 3.45 |   | 12/2003 | 01.007 | 12 | 3.63 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 21 | Chu Thị Thanh   | Hải    |      | 1960 | CN-SơCấp  | 01.007 | 10 | 3.27 |   | 09/2003 | 01.007 | 11 | 3.45 |    | 09/2005 | 241,200   |    |
| 22 | Vũ Kim          | Hoa    |      | 1960 | CN-SơCấp  | 01.007 | 10 | 3.27 |   | 12/2003 | 01.007 | 11 | 3.45 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 23 | Hồ Bắc          | Sơn    | 1956 |      | CN-SơCấp  | 01.007 | 10 | 3.27 |   | 12/2003 | 01.007 | 11 | 3.45 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 24 | Trần Thế        | Hùng   | 1964 |      | CN-SơCấp  | 01.007 | 9  | 3.09 |   | 12/2003 | 01.007 | 10 | 3.27 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 25 | Trần Thị        | Huệ    |      | 1965 | CN-SơCấp  | 01.007 | 9  | 3.09 |   | 12/2003 | 01.007 | 10 | 3.27 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 26 | Hoàng Thị       | Thịnh  |      | 1958 | CN-SơCấp  | 01.007 | 9  | 3.09 |   | 12/2002 | 01.007 | 10 | 3.27 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 27 | Nguyễn Thị      | Minh   |      | 1966 | CN-SơCấp  | 01.008 | 9  | 2.79 |   | 09/2003 | 01.008 | 10 | 2.97 |    | 09/2005 | 241,200   |    |
| 28 | Nguyễn Thị      | Hồng   |      | 1970 | CN-SơCấp  | 01.009 | 4  | 1.54 |   | 07/2003 | 01.009 | 5  | 1.72 |    | 07/2005 | 345,600   |    |
| 29 | Nguyễn Quang    | Phong  | 1963 |      | KhôngBCấp | 01.011 | 11 | 3.30 |   | 12/2003 | 01.011 | 12 | 3.48 |    | 12/2005 | 63,000    |    |
| 30 | Lưu Quang       | Hồng   | 1964 |      | KhôngBCấp | 01.011 | 7  | 2.58 |   | 07/2003 | 01.011 | 8  | 2.76 |    | 07/2005 | 345,600   |    |
| 31 | Phạm Thị        | Thanh  |      | 1956 | Đại học   | 06.031 | 4  | 3.33 |   | 10/2002 | 06.031 | 5  | 3.66 |    | 10/2005 | 346,500   |    |
| 32 | Phạm Thị        | Thúy   |      | 1978 | Đại học   | 06.031 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 06.031 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 33 | Đào Thị         | Báu    |      | 1956 | T.Cấp     | 06.032 | 11 | 3.86 |   | 12/2003 | 06.032 | 12 | 4.06 |    | 12/2005 | 70,000    |    |
| 34 | Phan Thị Hồng   | Hà     |      | 1955 | T.Cấp     | 06.032 | 11 | 3.86 |   | 12/2003 | 06.032 | 12 | 4.06 |    | 12/2005 | 70,000    |    |
| 35 | Vũ Ngọc         | Lan    |      | 1972 | Thạc sỹ   | 13.092 | 2  | 2.67 |   | 02/2002 | 13.092 | 3  | 3.00 |    | 02/2005 | 1,112,100 |    |
| 36 | Hoàng Thị       | Nga    |      | 1971 | Đại học   | 13.092 | 2  | 2.67 |   | 02/2002 | 13.092 | 3  | 3.00 |    | 02/2005 | 1,112,100 |    |
| 37 | Nguyễn Xuân     | Trường | 1973 |      | Thạc sỹ   | 13.092 | 2  | 2.67 |   | 02/2002 | 13.092 | 3  | 3.00 |    | 02/2005 | 1,112,100 |    |
| 38 | Nguyễn Xuân     | Sáng   | 1950 |      | Đại học   | 13.095 | 8  | 4.65 |   | 09/2002 | 13.095 | 9  | 4.98 |    | 09/2005 | 442,200   |    |
| 39 | Lê Thị Hồng     | Xuân   |      | 1957 | Thạc sỹ   | 13.095 | 6  | 3.99 |   | 09/2002 | 13.095 | 7  | 4.32 |    | 09/2005 | 442,200   |    |
| 40 | Võ Thị Ngọc     | Bích   |      | 1962 | Đại học   | 13.095 | 4  | 3.33 |   | 12/2002 | 13.095 | 5  | 3.66 |    | 12/2005 | 115,500   |    |
| 41 | Vũ Thị          | Đào    |      | 1971 | Thạc sỹ   | 13.095 | 3  | 3.00 |   | 05/2002 | 13.095 | 4  | 3.33 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 42 | Hoàng Hải       | Hà     | 1972 |      | Đại học   | 13.095 | 3  | 3.00 |   | 05/2002 | 13.095 | 4  | 3.33 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 43 | Nguyễn Thị      | Nhuân  |      | 1960 | Đại học   | 13.095 | 3  | 3.00 |   | 12/2002 | 13.095 | 4  | 3.33 |    | 12/2005 | 115,500   |    |
| 44 | Nguyễn Văn      | Hải    | 1962 |      | Đại học   | 13.095 | 2  | 2.67 |   | 05/2002 | 13.095 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 45 | Võ Văn          | Nam    | 1972 |      | Đại học   | 13.095 | 2  | 2.67 |   | 05/2002 | 13.095 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |

| 1  | 2           |       | 3    | 4    | 5            | 6      | 7 | 8    | 9 | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16      | 17 |
|----|-------------|-------|------|------|--------------|--------|---|------|---|---------|--------|----|------|----|---------|---------|----|
| 46 | Nguyễn Thị  | Thúy  |      | 1966 | Đại học      | 13.095 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 13.095 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 47 | Mẫn Quang   | Huy   | 1973 |      | Thạc sỹ      | 13.095 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 13.095 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 48 | Nguyễn Thị  | Phụng |      | 1977 | Đại học      | 13.095 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 13.095 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 49 | Phạm Thị Mỹ | Dung  |      | 1948 | GS - Tiến sỹ | 15.109 | 1 | 6.20 |   | 11/2002 | 15.109 | 2  | 6.56 |    | 11/2005 | 252,000 |    |
| 50 | Nguyễn Đình | Mạnh  | 1943 |      | PGS-Tiến sỹ  | 15.110 | 7 | 6.44 |   | 12/2002 | 15.110 | 8  | 6.78 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 51 | Nguyễn Kim  | Vân   | 1945 |      | PGS-Tiến sỹ  | 15.110 | 7 | 6.44 |   | 10/2002 | 15.110 | 8  | 6.78 |    | 10/2005 | 357,000 |    |
| 52 | Bùi Hữu     | Đoàn  | 1956 |      | Tiến sỹ      | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 12/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 53 | Lê Diệp     | Đĩnh  | 1949 |      | Thạc sỹ      | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 12/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 54 | Đặng Văn    | Hồng  | 1949 |      | Đại học      | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 12/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 55 | Đàm Xuân    | Hoàn  | 1947 |      | Tiến sỹ      | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 12/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 56 | Hoàng Văn   | Mùa   | 1948 |      | Thạc sỹ      | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 12/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 57 | Vi Văn      | Năng  | 1952 |      | Thạc sỹ      | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 12/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 58 | Nguyễn Hữu  | Ngoan | 1952 |      | Tiến sỹ      | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 12/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 59 | Trần Văn    | Chính | 1950 |      | PGS-Tiến sỹ  | 15.110 | 4 | 5.42 |   | 12/2002 | 15.110 | 5  | 5.76 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 60 | Vũ Văn      | Liết  | 1954 |      | Tiến sỹ      | 15.110 | 4 | 5.42 |   | 04/2002 | 15.110 | 5  | 5.76 |    | 04/2005 | 948,600 |    |
| 61 | Võ Văn      | Cầu   | 1952 |      | Thạc sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 62 | Nguyễn Thị  | Chắc  |      | 1953 | Thạc sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 63 | Lại Thị     | Cúc   | ✓    | 1954 | Thạc sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 11/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 | ✓  | 11/2005 | 238,000 |    |
| 64 | Phạm Quang  | Hùng  | 1947 |      | Thạc sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 65 | Đoàn Văn    | Lư    | 1954 |      | Tiến sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 66 | Nguyễn Thị  | Mai   |      | 1953 | Tiến sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 11/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 11/2005 | 238,000 |    |
| 67 | Nguyễn Thị  | Nhân  | ✓    | 1953 | Thạc sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 11/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 11/2005 | 238,000 |    |
| 68 | Trần Văn    | Quyên | 1951 |      | Thạc sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 11/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 11/2005 | 238,000 |    |
| 69 | Mai Thị     | Tân   |      | 1952 | Thạc sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 11/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 11/2005 | 238,000 |    |
| 70 | Trần Danh   | Thìn  | 1952 |      | Tiến sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 11/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 11/2005 | 238,000 |    |
| 71 | Nguyễn Bách | Viết  | 1950 |      | Thạc sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 72 | Bùi Thế     | Vinh  | 1951 |      | Tiến sỹ      | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 73 | Đặng Thị    | Dung  |      | 1952 | PGS-Tiến sỹ  | 15.110 | 2 | 4.74 |   | 12/2002 | 15.110 | 3  | 5.08 |    | 12/2005 | 119,000 |    |



| 1   | 2                |       | 3    | 4    | 5           | 6      | 7 | 8    | 9 | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16      | 17 |
|-----|------------------|-------|------|------|-------------|--------|---|------|---|---------|--------|----|------|----|---------|---------|----|
| 74  | Đỗ Văn           | Viện  | 1953 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 2 | 4.74 |   | 11/2002 | 15.110 | 3  | 5.08 |    | 11/2005 | 238,000 |    |
| 75  | Lê Thị Bích      | Đào   |      | 1955 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 76  | Nguyễn Thị       | Chắc  |      | 1955 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 77  | Lê Bá            | Chức  | 1952 |      | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 10/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 10/2005 | 357,000 |    |
| 78  | Hàn Trung        | Dũng  | 1958 |      | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 79  | Nguyễn Thị Thanh | Hà    |      | 1957 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 80  | Võ Quý           | Hoan  | 1958 |      | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 10/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 10/2005 | 357,000 |    |
| 81  | Nguyễn Bá        | Mùi   | 1956 |      | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 82  | Trần Thị         | Ngọc  |      | 1957 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 83  | Nguyễn Thị Hoài  | Sơn   |      | 1956 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 84  | Nguyễn Văn       | Thắng | 1957 |      | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 12/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 12/2005 | 119,000 |    |
| 85  | Ngô Thị          | Tuyến |      | 1956 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 86  | Nguyễn Đình      | Vinh  | 1955 |      | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 09/2005 | 455,600 |    |
| 87  | Nguyễn Văn       | Đường | 1957 |      | Đại học     | 15.111 | 7 | 4.32 |   | 09/2002 | 15.111 | 8  | 4.65 |    | 09/2005 | 442,200 |    |
| 88  | Bùi Thị          | Đoan  |      | 1956 | Đại học     | 15.111 | 7 | 4.32 |   | 11/2002 | 15.111 | 8  | 4.65 |    | 11/2005 | 231,000 |    |
| 89  | Vũ Thị Minh      | Châu  |      | 1959 | Đại học     | 15.111 | 7 | 4.32 |   | 12/2002 | 15.111 | 8  | 4.65 |    | 12/2005 | 115,500 |    |
| 90  | Đỗ Thị Quỳnh     | Chi   |      | 1960 | Đại học     | 15.111 | 7 | 4.32 |   | 09/2002 | 15.111 | 8  | 4.65 |    | 09/2005 | 442,200 |    |
| 91  | Phạm Thị         | Hằng  |      | 1956 | Đại học     | 15.111 | 7 | 4.32 |   | 09/2002 | 15.111 | 8  | 4.65 |    | 09/2005 | 442,200 |    |
| 92  | Đặng Thị Việt    | Hoa   |      | 1954 | Đại học     | 15.111 | 7 | 4.32 |   | 12/2002 | 15.111 | 8  | 4.65 |    | 12/2005 | 115,500 |    |
| 93  | Cao Thị Ngọc     | Mậu   |      | 1958 | Đại học     | 15.111 | 7 | 4.32 |   | 11/2002 | 15.111 | 8  | 4.65 |    | 11/2005 | 231,000 |    |
| 94  | Bùi Nguyên       | Viễn  | 1958 |      | Đại học     | 15.111 | 6 | 3.99 |   | 09/2002 | 15.111 | 7  | 4.32 |    | 09/2005 | 442,200 |    |
| 95  | Bùi Việt         | Đức   | 1967 |      | Thạc sỹ     | 15.111 | 4 | 3.33 |   | 10/2002 | 15.111 | 5  | 3.66 |    | 10/2005 | 346,500 |    |
| 96  | Lê Ngọc          | Hương | 1970 |      | Đại học     | 15.111 | 4 | 3.33 |   | 10/2002 | 15.111 | 5  | 3.66 |    | 10/2005 | 346,500 |    |
| 97  | Bùi Trần Anh     | Đào   | 1970 |      | Thạc sỹ     | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 05/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 98  | Hà Việt          | Cường | 1970 |      | Thạc sỹ     | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 05/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 99  | Nguyễn Thị       | Diễn  |      | 1973 | Thạc sỹ     | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 10/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 10/2005 | 346,500 |    |
| 100 | Trần Thị Minh    | Hằng  |      | 1971 | Tiến sỹ     | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 05/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 101 | Trần Thanh       | Hải   | 1971 |      | Thạc sỹ     | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 09/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 09/2005 | 442,200 |    |

| 1   | 2                |        | 3    | 4    | 5       | 6      | 7 | 8    | 9 | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16        | 17 |
|-----|------------------|--------|------|------|---------|--------|---|------|---|---------|--------|----|------|----|---------|-----------|----|
| 102 | Nguyễn Thanh     | Lâm    | 1968 |      | Tiến sỹ | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 05/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 103 | Nguyễn Phương    | Lê     |      | 1973 | Thạc sỹ | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 08/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 08/2005 | 537,900   |    |
| 104 | Nguyễn Thị Hoàng | Lan    |      | 1972 | Thạc sỹ | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 05/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 105 | Chu Thị Kim      | Loan   |      | 1968 | Tiến sỹ | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 08/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 08/2005 | 537,900   |    |
| 106 | Nguyễn Thị       | Nguyệt |      | 1967 | Thạc sỹ | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 05/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 107 | Nguyễn Quốc      | Oánh   | 1968 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 08/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 08/2005 | 537,900   |    |
| 108 | Trần Lê          | Thanh  | 1968 |      | Đại học | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 02/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 02/2005 | 1,112,100 |    |
| 109 | Nguyễn Bá        | Tiếp   | 1970 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 3 | 3.00 |   | 08/2002 | 15.111 | 4  | 3.33 |    | 08/2005 | 537,900   |    |
| 110 | Phạm Kim         | Đặng   | 1972 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700   |    |
| 111 | Nguyễn Viết      | Đặng   | 1975 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 112 | Hoàng Xuân       | Anh    | 1974 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 113 | Ngô Tuấn         | Anh    | 1974 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 114 | Nguyễn Xuân      | Bang   | 1973 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700   |    |
| 115 | Lê Khắc          | Bộ     | 1972 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700   |    |
| 116 | Nguyễn Đình      | Công   | 1974 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700   |    |
| 117 | Lê Thị Minh      | Châu   |      | 1974 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700   |    |
| 118 | Nguyễn Thị Kim   | Chung  |      | 1974 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 09/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 09/2005 | 442,200   |    |
| 119 | Nguyễn Xuân      | Cừ     | 1974 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700   |    |
| 120 | Ngô Trí          | Dương  | 1974 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 121 | Đỗ Quang         | Giám   | 1972 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700   |    |
| 122 | Lê Thị           | Giang  |      | 1973 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700   |    |
| 123 | Đồng Huy         | Giới   | 1972 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 124 | Trần Nguyễn      | Hà     | 1975 |      | Tiến sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 125 | Vũ Thanh         | Hải    | 1975 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 126 | Nguyễn Thanh     | Hải    | 1974 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 127 | Tăng Thị         | Hạnh   |      | 1975 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 128 | Trương Thị       | Hoa    |      | 1974 | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 129 | Đỗ Thị           | Huệ    |      | 1975 | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |

| 1   | 2                |        | 3    | 4    | 5       | 6      | 7 | 8    | 9 | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16      | 17 |
|-----|------------------|--------|------|------|---------|--------|---|------|---|---------|--------|----|------|----|---------|---------|----|
| 130 | Giang Trung      | Khoa   | 1973 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 131 | Nguyễn Thị Lan   |        |      | 1974 | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 132 | Huỳnh Thị Mỹ     | Lê     |      | 1973 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 09/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 09/2005 | 442,200 |    |
| 133 | Nguyễn Thị Minh  |        |      | 1971 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 134 | Nguyễn Thị Thanh | Minh   |      | 1974 | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 135 | Nguyễn Văn       | Năng   | 1974 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 136 | Đỗ Thị           | Năng   |      | 1974 | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 137 | Nguyễn Thị Dương | Nga    |      | 1976 | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 09/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 09/2005 | 442,200 |    |
| 138 | Lê Minh          | Nguyệt |      | 1975 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 139 | Đỗ Văn           | Nha    | 1973 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 140 | Trần Trọng       | Phượng | 1973 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 141 | Phạm Thị Minh    | Phượng |      | 1974 | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 142 | Ninh Thị         | Phíp   |      | 1971 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 143 | Lê Vũ            | Quân   | 1973 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 144 | Đinh Sơn         | Quang  | 1974 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 145 | Đỗ Thị           | Tám    |      | 1974 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 146 | Nguyễn Văn       | Thắng  | 1973 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 147 | Nguyễn Xuân      | Thiệt  | 1975 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 148 | Nguyễn Thị       | Thủy   |      | 1973 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 149 | Nguyễn Xuân      | Trường | 1973 |      | Đại học | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 150 | Phạm Văn         | Vân    | 1972 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 151 | Đặng Thị         | Vân    |      | 1975 | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 152 | Hoàng Đức        | Vĩnh   | 1973 |      | Thạc sỹ | 15.111 | 2 | 2.67 |   | 04/2002 | 15.111 | 3  | 3.00 |    | 04/2005 | 920,700 |    |
| 153 | Nguyễn Thị Lâm   | Đoàn   |      | 1977 | Thạc sỹ | 15.111 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 154 | Nguyễn Minh      | Đức    | 1978 |      | Đại học | 15.111 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 155 | Nguyễn Hoàng     | Anh    | 1978 |      | Đại học | 15.111 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 156 | Trần Kim         | Anh    |      | 1975 | Đại học | 15.111 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 157 | Nguyễn Hữu       | Cường  | 1976 |      | Đại học | 15.111 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |

| 1   | 2                    | 3    | 4    | 5        | 6      | 7  | 8    | 9 | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16      | 17 |
|-----|----------------------|------|------|----------|--------|----|------|---|---------|--------|----|------|----|---------|---------|----|
| 158 | Luyện Hữu Cử         | 1976 |      | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 159 | Nguyễn Đức Doan      | 1975 |      | Thạc sỹ  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 160 | Cao Hùng Dũng        | 1972 |      | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 161 | Phạm Thị Hương Diu   |      | 1978 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 162 | Tạ Quang Giảng       | 1976 |      | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 163 | Vũ Thanh Hương       |      | 1977 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 164 | Nguyễn Thị Thuý Hạnh |      | 1973 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 09/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 09/2005 | 442,200 |    |
| 165 | Nguyễn Thị Hiên      |      | 1977 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 166 | Vũ Thị Thu Hiền      |      | 1975 | Thạc sỹ  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 167 | Trần Thị Thu Huyền   |      | 1977 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 168 | Đỗ Đức Lực           | 1970 |      | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 169 | Trần Hoài Nam        | 1977 |      | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 170 | Phạm Việt Nga        |      | 1979 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 171 | Tô Thế Nguyên        | 1977 |      | Thạc sỹ  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 172 | Nguyễn Thị Kim Quế   |      | 1976 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 173 | Trần Thị Đức Tám     |      | 1976 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 09/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 09/2005 | 442,200 |    |
| 174 | Nguyễn Thị Minh Tâm  |      | 1976 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 175 | Ngô Trung Thành      | 1977 |      | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 176 | Nguyễn Tất Thắng     | 1977 |      | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 177 | Nguyễn Thị Vân Trang |      | 1978 | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 178 | Nguyễn Anh Trự       | 1978 |      | Đại học  | 15.111 | 1  | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 179 | Nguyễn Thị Xá        |      | 1963 | Cao đẳng | 15.115 | 11 | 3.86 |   | 12/2003 | 15.115 | 12 | 4.06 |    | 12/2005 | 70,000  |    |
| 180 | Nguyễn Thị Thúy Vinh |      | 1959 | Đại học  | 16.118 | 6  | 3.99 |   | 12/2002 | 16.118 | 7  | 4.32 |    | 12/2005 | 115,500 |    |
| 181 | Vũ Văn Cường         | 1972 |      | Đại học  | 16.118 | 2  | 2.67 |   | 05/2002 | 16.118 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000 |    |
| 182 | Bùi Thị Kim Ninh     |      | 1959 | T.Cấp    | 16.121 | 10 | 3.66 |   | 12/2003 | 16.121 | 11 | 3.86 |    | 12/2005 | 70,000  |    |
| 183 | Trần Thị Yên Thái    |      | 1977 | T.Cấp    | 16.121 | 2  | 2.06 |   | 11/2003 | 16.121 | 3  | 2.26 |    | 11/2005 | 140,000 |    |
| 184 | Nguyễn Thị Như Hoa   |      | 1975 | T.Cấp    | 16.135 | 1  | 1.86 |   | 01/2003 | 16.135 | 2  | 2.06 |    | 01/2005 | 732,000 |    |
| 185 | Phạm Thị Thanh Mai   |      | 1969 | Đại học  | 17.170 | 5  | 3.66 |   | 11/2002 | 17.170 | 6  | 3.99 |    | 11/2005 | 231,000 |    |



| 1                                                                                                           | 2            |       | 3    | 4    | 5           | 6      | 7 | 8    | 9 | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16        | 17 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------|------|------|-------------|--------|---|------|---|---------|--------|----|------|----|---------|-----------|----|
| 186                                                                                                         | Trần Thị     | Huyền |      | 1974 | Đại học     | 17.170 | 2 | 2.67 |   | 05/2002 | 17.170 | 3  | 3.00 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 187                                                                                                         | Phan Văn     | Đồng  | 1977 |      | Đại học     | 17.170 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 17.170 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| 188                                                                                                         | Lê Thị Bích  | Liên  |      | 1978 | Đại học     | 17.170 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 17.170 | 2  | 2.67 |    | 05/2005 | 825,000   |    |
| II. CÁN BỘ VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ |              |       |      |      |             |        |   |      |   |         |        |    |      |    |         |           |    |
| 189                                                                                                         | Vũ Hồng      | Sơn   | 1947 |      | Đại học     | 01.002 | 7 | 6.44 |   | 12/2003 | 01.002 | 8  | 6.78 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 190                                                                                                         | Trần Văn     | Hùng  | 1954 |      | Đại học     | 01.002 | 3 | 5.08 |   | 10/2003 | 01.002 | 4  | 5.42 |    | 10/2005 | 357,000   |    |
| 191                                                                                                         | Nguyễn Thị   | Mai   |      | 1956 | Tiến sỹ     | 01.002 | 1 | 4.40 |   | 11/2003 | 01.002 | 2  | 4.74 |    | 11/2005 | 238,000   |    |
| 192                                                                                                         | Nguyễn Thị   | Thuỷ  |      | 1954 | Đại học     | 01.003 | 6 | 3.99 |   | 12/2002 | 01.003 | 7  | 4.32 |    | 12/2004 | 1,303,500 |    |
| 193                                                                                                         | Bùi Duy      | Sơn   | 1955 |      | Đại học     | 12.086 | 7 | 4.32 |   | 09/2003 | 12.086 | 8  | 4.65 |    | 09/2005 | 442,200   |    |
| 194                                                                                                         | Nguyễn Đình  | Thị   | 1965 |      | Thạc sỹ     | 13.095 | 3 | 3.00 |   | 05/2002 | 13.095 | 4  | 3.33 |    | 10/2004 | 1,494,900 |    |
| 195                                                                                                         | Vũ Kim       | Thành | 1948 |      | Thạc sỹ     | 15.110 | 6 | 6.10 |   | 12/2003 | 15.110 | 7  | 6.44 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 196                                                                                                         | Đỗ Văn       | Công  | 1947 |      | Đại học     | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 04/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 197                                                                                                         | Nguyễn Văn   | Muốn  | 1952 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 04/2002 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 198                                                                                                         | Lê Văn       | Thai  | 1951 |      | Tiến sỹ     | 15.110 | 5 | 5.76 |   | 12/2003 | 15.110 | 6  | 6.10 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 199                                                                                                         | Nguyễn Văn   | Đĩnh  | 1953 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 4 | 5.42 |   | 09/2003 | 15.110 | 5  | 5.76 |    | 09/2005 | 455,600   |    |
| 200                                                                                                         | Vũ Thị       | Bình  |      | 1951 | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 4 | 5.42 |   | 12/2003 | 15.110 | 5  | 5.76 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 201                                                                                                         | Lê Thị Ngọc  | Diệp  |      | 1953 | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 4 | 5.42 |   | 12/2003 | 15.110 | 5  | 5.76 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 202                                                                                                         | Nguyễn Hồng  | Minh  | 1952 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 4 | 5.42 |   | 12/2003 | 15.110 | 5  | 5.76 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 203                                                                                                         | Tôn Thất     | Sơn   | 1950 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 4 | 5.42 |   | 11/2002 | 15.110 | 5  | 5.76 |    | 11/2004 | 1,441,600 |    |
| 204                                                                                                         | Nguyễn Hải   | Thanh | 1956 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 4 | 5.42 |   | 09/2002 | 15.110 | 5  | 5.76 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 205                                                                                                         | Trần Đình    | Đồng  | 1955 |      | Tiến sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2004 | 1,343,000 |    |
| 206                                                                                                         | Hà Thị Thanh | Bình  |      | 1954 | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 06/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 207                                                                                                         | Hoàng Văn    | Bình  | 1953 |      | Thạc sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2003 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 09/2005 | 455,600   |    |
| 208                                                                                                         | Nguyễn Bá    | Bình  | 1948 |      | Thạc sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2003 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 209                                                                                                         | Quyển Đình   | Hà    | 1953 |      | Tiến sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2004 | 1,540,200 |    |
| 210                                                                                                         | Nguyễn Mạnh  | Khải  | 1954 |      | Thạc sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2003 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 09/2005 | 455,600   |    |
| 211                                                                                                         | Lê Văn       | Lãnh  | 1951 |      | Đại học     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |

| 1   | 2               | 3      | 4    | 5           | 6      | 7 | 8    | 9 | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16        | 17 |
|-----|-----------------|--------|------|-------------|--------|---|------|---|---------|--------|----|------|----|---------|-----------|----|
| 212 | Đặng Xuân       | Lợi    | 1951 | Đại học     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2003 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 09/2005 | 455,600   |    |
| 213 | Đỗ Thị          | Mơ     | 1955 | Thạc sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2003 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 214 | Phan Văn        | Thắng  | 1952 | Thạc sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2004 | 1,343,000 |    |
| 215 | Nguyễn Thanh    | Thế    | 1951 | Thạc sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 216 | Ngô Thị         | Thuận  | 1955 | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2004 | 1,343,000 |    |
| 217 | Phạm Thị        | Vân    | 1952 | Thạc sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 09/2003 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 09/2005 | 455,600   |    |
| 218 | Nguyễn Thị      | Vang   | 1954 | Thạc sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 11/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 11/2004 | 1,441,600 |    |
| 219 | Lương Văn       | Vượt   | 1956 | Tiến sỹ     | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2003 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 220 | Nguyễn Thị      | Vòng   | 1954 | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 3 | 5.08 |   | 12/2003 | 15.110 | 4  | 5.42 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 221 | Trần Thị        | Hiền   | 1953 | Thạc sỹ     | 15.110 | 2 | 4.74 |   | 10/2002 | 15.110 | 3  | 5.08 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 222 | Mai Thị         | Thơm   | 1955 | Tiến sỹ     | 15.110 | 2 | 4.74 |   | 11/2002 | 15.110 | 3  | 5.08 |    | 11/2004 | 1,441,600 |    |
| 223 | Bùi Thị         | Tho    | 1954 | Tiến sỹ     | 15.110 | 2 | 4.74 |   | 12/2002 | 15.110 | 3  | 5.08 |    | 12/2004 | 1,343,000 |    |
| 224 | Kim Thị         | Dung   | 1958 | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 225 | Trần Thị Lan    | Hương  | 1954 | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 07/2003 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 07/2005 | 652,800   |    |
| 226 | Hoàng Văn       | Hưng   | 1958 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 11/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 11/2004 | 1,441,600 |    |
| 227 | Lê Minh         | Lư     | 1961 | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 07/2003 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 07/2005 | 652,800   |    |
| 228 | Nguyễn Văn      | Mác    | 1957 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 11/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 11/2004 | 1,441,600 |    |
| 229 | Phạm Hồng       | Ngân   | 1958 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 11/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 11/2004 | 1,441,600 |    |
| 230 | Phạm Thị Minh   | Nguyệt | 1955 | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 231 | Đoàn Công       | Quý    | 1955 | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 232 | Trịnh Đình      | Thấu   | 1959 | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 07/2003 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 07/2005 | 652,800   |    |
| 233 | Phạm Ngọc       | Thạch  | 1956 | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 11/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 11/2004 | 1,441,600 |    |
| 234 | Nguyễn Khắc     | Thời   | 1954 | Tiến sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 09/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 10/2004 | 1,540,200 |    |
| 235 | Vũ Thị          | Thu    | 1957 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 11/2002 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 11/2004 | 1,441,600 |    |
| 236 | Nguyễn Thị Ngọc | Thuy   | 1959 | Thạc sỹ     | 15.110 | 1 | 4.40 |   | 07/2003 | 15.110 | 2  | 4.74 |    | 07/2005 | 652,800   |    |
| 237 | Vũ Ngọc         | Huyền  | 1977 | Đại học     | 15.111 | 1 | 2.34 |   | 05/2002 | 15.111 | 2  | 2.67 |    | 10/2004 | 1,494,900 |    |
| 238 | Nguyễn Viết     | Duy    | 1954 | Đại học     | 17.169 | 3 | 4.68 |   | 12/2003 | 17.169 | 4  | 5.02 |    | 12/2005 | 119,000   |    |
| 239 | Nguyễn Hữu      | Ty     | 1950 | Đại học     | 17.169 | 3 | 4.68 |   | 12/2003 | 17.169 | 4  | 5.02 |    | 12/2005 | 119,000   |    |

| 1                                                                                  | 2              | 3     | 4    | 5        | 6      | 7  | 8    | 9   | 10      | 11     | 12 | 13   | 14  | 15      | 16        | 17 |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------|------|----------|--------|----|------|-----|---------|--------|----|------|-----|---------|-----------|----|
| III. CÁN BỘ VIÊN CHỨC ĐÃ CÓ THÔNG BÁO NGHỈ HƯU, ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN |                |       |      |          |        |    |      |     |         |        |    |      |     |         |           |    |
| 240                                                                                | Lê Thị         | Hợp   | 1950 | Thạc sỹ  | 15.110 | 3  | 5.08 |     | 09/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |     | 10/2004 | 1,785,000 |    |
| 241                                                                                | Đỗ Thị         | Hoà   | 1951 | Thạc sỹ  | 15.110 | 3  | 5.08 |     | 09/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |     | 10/2004 | 1,785,000 |    |
| 242                                                                                | Đinh Thị       | Nông  | 1950 | Thạc sỹ  | 15.110 | 3  | 5.08 |     | 12/2002 | 15.110 | 4  | 5.42 |     | 12/2004 | 1,547,000 |    |
| IV. CÁN BỘ VIÊN CHỨC ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÊM PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG             |                |       |      |          |        |    |      |     |         |        |    |      |     |         |           |    |
| 243                                                                                | Nguyễn Hữu     | Mấn   | 1945 | Đại học  | 01.003 | 9  | 4.98 | 5%  | 12/2004 | 01.003 | 9  | 4.98 | 6%  | 12/2005 | 17,430    |    |
| 244                                                                                | Hoàng Văn      | Sỹ    | 1957 | Đại học  | 01.003 | 9  | 4.98 | 5%  | 12/2004 | 01.003 | 9  | 4.98 | 6%  | 12/2005 | 17,430    |    |
| 245                                                                                | Hà Chuyên      | Chính | 1952 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 17% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 18% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 246                                                                                | Lưu Tuấn       | Lễ    | 1951 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 17% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 18% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 247                                                                                | Nguyễn Thị     | Hương | 1951 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 14% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 15% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 248                                                                                | Phạm Văn       | Học   | 1947 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 14% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 15% | 09/2005 | 48,642    |    |
| 249                                                                                | Phùng Thị      | Mão   | 1951 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 12% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 13% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 250                                                                                | Lê Văn         | Bằng  | 1953 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 11% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 12% | 09/2005 | 48,642    |    |
| 251                                                                                | Nguyễn Huy     | Tưởng | 1953 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 11% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 12% | 09/2005 | 48,642    |    |
| 252                                                                                | Hoàng Thị      | Thía  | 1951 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 11% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 12% | 09/2005 | 48,642    |    |
| 253                                                                                | Đặng Thị       | Dự    | 1952 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 11% | 09/2005 | 48,642    |    |
| 254                                                                                | Trần Thị       | Tạ    | 1953 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 11% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 255                                                                                | Đào Duy        | Thứ   | 1948 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 11% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 256                                                                                | Cáp Sĩ         | Việt  | 1951 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 11% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 257                                                                                | Lê Chí         | Dân   | 1957 | T.Cấp    | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 258                                                                                | Nguyễn Thị Kim | Minh  | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 259                                                                                | Phạm Thị       | Mừng  | 1953 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 09/2005 | 48,642    |    |
| 260                                                                                | Dương Thị      | Oanh  | 1955 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 10/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 10/2005 | 38,115    |    |
| 261                                                                                | Nguyễn Thị Kim | Oanh  | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 262                                                                                | Vũ Văn         | Phê   | 1952 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 10/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 10/2005 | 38,115    |    |
| 263                                                                                | Nguyễn Viết    | Quynh | 1955 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2005 | 12,705    |    |
| 264                                                                                | Nguyễn Văn     | Thách | 1957 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 09/2005 | 48,642    |    |
| 265                                                                                | Nguyễn Văn     | Thành | 1954 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2005 | 12,705    |    |

| 1   | 2             |       | 3    | 4    | 5        | 6      | 7  | 8    | 9  | 10      | 11     | 12 | 13   | 14  | 15      | 16     | 17 |
|-----|---------------|-------|------|------|----------|--------|----|------|----|---------|--------|----|------|-----|---------|--------|----|
| 266 | Lê Văn        | Thành | 1956 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 267 | Lê Tiến       | Tuyến | 1955 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 268 | Hoàng Thị     | Xế    |      | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 9% | 11/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 10% | 11/2005 | 25,410 |    |
| 269 | Đỗ Văn        | Đại   | 1957 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 270 | Nguyễn Văn    | Bản   | 1953 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 09/2005 | 48,642 |    |
| 271 | Lê Thị        | Diện  |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 272 | Bùi Văn       | Gấm   | 1956 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 273 | Lê Thị        | Hồng  |      | 1952 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 274 | Nguyễn Huy    | Huân  | 1948 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 275 | Nguyễn Hồng   | Lạng  | 1954 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 276 | Phạm Thị Hồng | Nhung |      | 1961 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 277 | Vũ Thị        | Phan  |      | 1957 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 278 | Tạ Ngọc       | Phóng | 1950 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 279 | Bùi Đình      | Phiêu | 1955 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 280 | Nguyễn Tất    | Tố    | 1955 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 281 | Cao Văn       | Tấn   | 1955 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 9%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 282 | Hoàng Văn     | Dinh  | 1954 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 283 | Nguyễn Chu    | Duân  | 1954 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 06/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 06/2005 | 80,223 |    |
| 284 | Nguyễn Thị    | Hà    |      | 1957 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 285 | Nguyễn Văn    | Hiển  | 1957 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 286 | Lê Thị Bích   | Liên  |      | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 287 | Nguyễn Văn    | Mạnh  | 1961 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 288 | Vũ Thị        | Mai   |      | 1957 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 289 | Lưu Thị       | Nây   |      | 1956 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 290 | Hoàng Tiến    | Nhật  | 1959 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 291 | Nguyễn Thị    | Nhiên |      | 1955 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 12/2005 | 12,705 |    |
| 292 | Lê Văn        | Ninh  | 1959 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 09/2005 | 48,642 |    |
| 293 | Nguyễn Ngọc   | Sơn   | 1957 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8%  | 09/2005 | 48,642 |    |



| 1   | 2               |        | 3    | 4    | 5        | 6      | 7  | 8    | 9  | 10      | 11     | 12 | 13   | 14 | 15      | 16     | 17 |
|-----|-----------------|--------|------|------|----------|--------|----|------|----|---------|--------|----|------|----|---------|--------|----|
| 294 | Đào Thị         | Tươi   | 1954 | 1954 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 295 | Nguyễn Thị      | Thủy   |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 296 | Nguyễn Thị      | Tức    |      | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 297 | Lê Thị          | Vân    |      | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 298 | Lương Thị       | Vui    |      | 1957 | Cao đẳng | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 8% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 299 | Nguyễn Thị Việt | Anh    |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 300 | Ngô Xuân        | Bắc    |      |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 301 | Nguyễn Thị Bích | Hạnh   |      | 1963 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 302 | Nguyễn Thị      | Hoà    |      | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 303 | Nguyễn Thị Mai  | Hoa    |      | 1957 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 304 | Nguyễn Thị      | Lý H   |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 305 | Nguyễn Thị      | Lý N   |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 306 | Nguyễn Thị      | Mưa    |      | 1952 | T.Cấp    | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 307 | Lê Thị          | Minh   | 1956 | 1962 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 09/2005 | 48,642 |    |
| 308 | Trần Thị        | Nga    |      | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 309 | Phạm Thị        | Tám    |      | 1952 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 310 | Đào Trọng       | Thắng  |      |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 09/2005 | 48,642 |    |
| 311 | Phùng Kim       | Thoa   |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 312 | Nguyễn Thị      | Thực   |      | 1951 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 313 | Nguyễn Hồng     | Thủy A |      | 1962 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 314 | Lưu Thị         | Túy    |      | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 315 | Trần Thị        | Vân    |      | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 316 | Nguyễn Văn      | Vế     |      |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 317 | Hoàng Thị Thanh | Xuân   |      | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 318 | Nguyễn Thị      | Xuyên  |      | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 7% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 319 | Nguyễn Ngọc     | ánh    | 1962 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 320 | Hoàng Văn       | Báu    | 1956 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5% | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 12/2005 | 12,705 |    |
| 321 | Nguyễn Thị      | Bắc    |      | 1953 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5% | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6% | 09/2005 | 48,642 |    |

| 1   | 2              |        | 3    | 4    | 5        | 6      | 7  | 8    | 9   | 10      | 11     | 12 | 13   | 14  | 15      | 16      | 17 |
|-----|----------------|--------|------|------|----------|--------|----|------|-----|---------|--------|----|------|-----|---------|---------|----|
| 322 | Lê Thị         | Chiến  |      | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 323 | Đinh Thị       | Chuyên |      | 1955 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 324 | Nguyễn Thanh   | Hải    | 1963 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 325 | Lưu Thị        | Hải    |      | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 326 | Hoàng Phi      | Hùng   | 1964 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 09/2005 | 48,642  |    |
| 327 | Vũ Đình        | Hiển   | 1959 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 328 | Hoàng Ngọc     | Hiếu   | 1959 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 329 | Nguyễn Thị     | Liên   |      | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 330 | Cam Thị        | Lượng  |      | 1959 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 331 | Nguyễn Thị     | My     |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 332 | Nguyễn Thị     | Ngot   |      | 1961 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 333 | Lê Văn         | Nhường | 1958 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 334 | Hoàng Thị Minh | Tâm    |      | 1961 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 335 | Nguyễn Thị     | Thủy B |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 336 | Lê Văn         | Tĩnh   | 1958 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 09/2005 | 48,642  |    |
| 337 | Nguyễn Quốc    | Trọng  | 1956 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 338 | Hoàng Thị      | Tuyết  |      | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 12/2005 | 12,705  |    |
| 339 | Ngô Quốc       | Vương  | 1959 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 09/2004 | 01.007 | 12 | 3.63 | 6%  | 09/2005 | 48,642  |    |
| 340 | Vũ Hồng        | Châu   | 1957 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 |     | 12/2003 | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2005 | 63,525  |    |
| 341 | Nguyễn Thị     | Chùa   |      | 1958 | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 |     | 12/2003 | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2005 | 63,525  |    |
| 342 | Nguyễn Văn     | Duy    | 1956 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 |     | 09/2003 | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 09/2005 | 243,210 |    |
| 343 | Nguyễn Văn     | Hành   | 1960 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 |     | 12/2003 | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2005 | 63,525  |    |
| 344 | Nguyễn Ninh    | Thành  | 1962 |      | CN-SơCấp | 01.007 | 12 | 3.63 |     | 12/2003 | 01.007 | 12 | 3.63 | 5%  | 12/2005 | 63,525  |    |
| 345 | Phạm Thị       | Bình   |      | 1955 | CN-SơCấp | 01.008 | 12 | 3.33 | 12% | 12/2004 | 01.008 | 12 | 3.33 | 13% | 12/2005 | 11,655  |    |
| 346 | Nguyễn Thị     | Khánh  |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.008 | 12 | 3.33 | 10% | 12/2004 | 01.008 | 12 | 3.33 | 11% | 12/2005 | 11,655  |    |
| 347 | Nguyễn Thị     | Khanh  |      | 1960 | CN-SơCấp | 01.008 | 12 | 3.33 | 8%  | 12/2004 | 01.008 | 12 | 3.33 | 9%  | 12/2005 | 11,655  |    |
| 348 | Dương Trọng    | Hào    | 1945 |      | CN-SơCấp | 01.010 | 12 | 4.03 | 16% | 09/2004 | 01.010 | 12 | 4.03 | 17% | 09/2005 | 54,002  |    |
| 349 | Ngô Văn        | Tuấn   | 1957 |      | CN-SơCấp | 01.010 | 12 | 4.03 | 9%  | 11/2004 | 01.010 | 12 | 4.03 | 10% | 11/2005 | 28,210  |    |

|     | 2               |        | 3    | 4    | 5           | 6      | 7  | 8    | 9   | 10      | 11     | 12 | 13   | 14  | 15      | 16      | 17 |
|-----|-----------------|--------|------|------|-------------|--------|----|------|-----|---------|--------|----|------|-----|---------|---------|----|
| 350 | Trần Văn        | Hải    | 1958 |      | CN-SơCấp    | 01.010 | 12 | 4.03 | 8%  | 09/2004 | 01.010 | 12 | 4.03 | 9%  | 09/2005 | 54,002  |    |
| 351 | Bùi Trung       | Lương  | 1960 |      | CN-SơCấp    | 01.010 | 12 | 4.03 |     | 12/2003 | 01.010 | 12 | 4.03 | 5%  | 12/2005 | 70,525  |    |
| 352 | Lê Minh         | Thao   | 1948 |      | CN-SơCấp    | 01.010 | 12 | 4.03 |     | 09/2003 | 01.010 | 12 | 4.03 | 5%  | 09/2005 | 270,010 |    |
| 353 | Ngô Quang       | Lịch   | 1953 |      | CN-SơCấp    | 01.011 | 12 | 3.48 | 11% | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 12% | 12/2005 | 12,180  |    |
| 354 | Phùng Xuân      | Ngà    | 1953 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 10% | 12/2005 | 12,180  |    |
| 355 | Nguyễn Đình     | Sâm    | 1946 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 09/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 10% | 09/2005 | 46,632  |    |
| 356 | Nguyễn Huy      | Biếm   | 1957 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 357 | Nguyễn Đức      | Năng   | 1961 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 09/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 09/2005 | 46,632  |    |
| 358 | Hoàng Văn       | Việt   | 1955 |      | CN-SơCấp    | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 359 | Lê Văn          | Bích   | 1961 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 7%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 360 | Bùi Văn         | Sáng   | 1960 |      | CN-SơCấp    | 01.011 | 12 | 3.48 | 7%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 361 | Nguyễn Văn      | Thiệp  | 1953 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 7%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 362 | Đặng Quang      | ứng    | 1960 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 6%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 7%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 363 | Bùi Trung       | Sơn    | 1964 |      | CN-SơCấp    | 01.011 | 12 | 3.48 |     | 07/2003 | 01.011 | 12 | 3.48 | 5%  | 07/2005 | 334,080 |    |
| 364 | Nguyễn Viết     | Thần   | 1958 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 |     | 10/2003 | 01.011 | 12 | 3.48 | 5%  | 10/2005 | 182,700 |    |
| 365 | Đặng Văn        | Truyền | 1952 |      | T.Cấp       | 13.096 | 12 | 4.06 | 10% | 09/2004 | 13.096 | 12 | 4.06 | 11% | 09/2005 | 54,404  |    |
| 366 | Lê Thị          | Lan    |      | 1950 | T.Cấp       | 13.096 | 12 | 4.06 | 6%  | 11/2004 | 13.096 | 12 | 4.06 | 7%  | 11/2005 | 28,420  |    |
| 367 | Dương Thị Kim   | Quy    |      | 1954 | T.Cấp       | 13.096 | 12 | 4.06 | 6%  | 11/2004 | 13.096 | 12 | 4.06 | 7%  | 11/2005 | 28,420  |    |
| 368 | Nguyễn Nguyên   | Cự     | 1942 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 8  | 6.78 | 7%  | 11/2004 | 15.110 | 8  | 6.78 | 8%  | 11/2005 | 47,460  |    |
| 369 | Hoàng Ngọc      | Thuận  | 1944 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 8  | 6.78 | 5%  | 10/2004 | 15.110 | 8  | 6.78 | 6%  | 10/2005 | 71,190  |    |
| 370 | Hoàng Đình      | Hiếu   | 1942 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 8  | 6.78 |     | 11/2002 | 15.110 | 8  | 6.78 | 5%  | 11/2005 | 237,300 |    |
| 371 | Nguyễn Hải      | Quân   | 1942 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 8  | 6.78 |     | 10/2002 | 15.110 | 8  | 6.78 | 5%  | 10/2005 | 355,950 |    |
| 372 | Hoàng Ngọc      | Bích   | 1949 |      | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 12/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 12% | 12/2005 | 17,430  |    |
| 373 | Vũ Công         | Minh   | 1948 |      | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 12/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 12% | 12/2005 | 17,430  |    |
| 374 | Đoàn Văn        | Cán    | 1950 |      | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 10% | 11/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 11/2005 | 34,860  |    |
| 375 | Nguyễn Đình     | Ninh   | 1945 |      | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 10% | 12/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 12/2005 | 17,430  |    |
| 376 | Nguyễn Văn      | Sắc    | 1947 |      | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 10% | 09/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 09/2005 | 66,732  |    |
| 377 | Nguyễn Thị Bình | Tâm    |      | 1951 | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 10% | 11/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 11/2005 | 34,860  |    |



| 1   | 2             |        | 3    | 4    | 5           | 6      | 7  | 8    | 9   | 10      | 11     | 12 | 13   | 14  | 15      | 16      | 17 |
|-----|---------------|--------|------|------|-------------|--------|----|------|-----|---------|--------|----|------|-----|---------|---------|----|
| 347 | Nguyễn Thị    | Khanh  |      | 1960 | CN-SơCấp    | 01.008 | 12 | 3.33 | 8%  | 12/2004 | 01.008 | 12 | 3.33 | 9%  | 12/2005 | 11,655  |    |
| 348 | Dương Trọng   | Hảo    | 1945 |      | CN-SơCấp    | 01.010 | 12 | 4.03 | 16% | 09/2004 | 01.010 | 12 | 4.03 | 17% | 09/2005 | 54,002  |    |
| 349 | Ngô Văn       | Tuấn   | 1957 |      | CN-SơCấp    | 01.010 | 12 | 4.03 | 9%  | 11/2004 | 01.010 | 12 | 4.03 | 10% | 11/2005 | 28,210  |    |
| 350 | Trần Văn      | Hải    | 1958 |      | CN-SơCấp    | 01.010 | 12 | 4.03 | 8%  | 09/2004 | 01.010 | 12 | 4.03 | 9%  | 09/2005 | 54,002  |    |
| 351 | Bùi Trung     | Lương  | 1960 |      | CN-SơCấp    | 01.010 | 12 | 4.03 |     | 12/2003 | 01.010 | 12 | 4.03 | 5%  | 12/2005 | 70,525  |    |
| 352 | Lê Minh       | Thao   | 1948 |      | CN-SơCấp    | 01.010 | 12 | 4.03 |     | 09/2003 | 01.010 | 12 | 4.03 | 5%  | 09/2005 | 270,010 |    |
| 353 | Ngô Quang     | Lịch   | 1953 |      | CN-SơCấp    | 01.011 | 12 | 3.48 | 11% | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 12% | 12/2005 | 12,180  |    |
| 354 | Phùng Xuân    | Ngà    | 1953 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 10% | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 11% | 12/2005 | 12,180  |    |
| 355 | Nguyễn Đình   | Sâm    | 1946 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 09/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 10% | 09/2005 | 46,632  |    |
| 356 | Nguyễn Huy    | Biếm   | 1957 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 357 | Nguyễn Đức    | Năng   | 1961 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 09/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 09/2005 | 46,632  |    |
| 358 | Hoàng Văn     | Việt   | 1955 |      | CN-SơCấp    | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 9%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 359 | Lê Văn        | Bích   | 1961 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 7%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 360 | Bùi Văn       | Sáng   | 1960 |      | CN-SơCấp    | 01.011 | 12 | 3.48 | 7%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 361 | Nguyễn Văn    | Thiệp  | 1953 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 7%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 8%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 362 | Đặng Quang    | ứng    | 1960 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 | 6%  | 12/2004 | 01.011 | 12 | 3.48 | 7%  | 12/2005 | 12,180  |    |
| 363 | Bùi Trung     | Sơn    | 1964 |      | CN-SơCấp    | 01.011 | 12 | 3.48 |     | 07/2003 | 01.011 | 12 | 3.48 | 5%  | 07/2005 | 334,080 |    |
| 364 | Nguyễn Viết   | Thễn   | 1958 |      | KhôngBCấp   | 01.011 | 12 | 3.48 |     | 10/2003 | 01.011 | 12 | 3.48 | 5%  | 10/2005 | 182,700 |    |
| 365 | Đặng Văn      | Truyền | 1952 |      | T.Cấp       | 13.096 | 12 | 4.06 | 10% | 09/2004 | 13.096 | 12 | 4.06 | 11% | 09/2005 | 54,404  |    |
| 366 | Lê Thị        | Lan    |      | 1950 | T.Cấp       | 13.096 | 12 | 4.06 | 6%  | 11/2004 | 13.096 | 12 | 4.06 | 7%  | 11/2005 | 28,420  |    |
| 367 | Dương Thị Kim | Quy    |      | 1954 | T.Cấp       | 13.096 | 12 | 4.06 | 6%  | 11/2004 | 13.096 | 12 | 4.06 | 7%  | 11/2005 | 28,420  |    |
| 368 | Nguyễn Nguyên | Cự     | 1942 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 8  | 6.78 | 7%  | 11/2004 | 15.110 | 8  | 6.78 | 8%  | 11/2005 | 47,460  |    |
| 369 | Hoàng Ngọc    | Thuận  | 1944 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 8  | 6.78 | 5%  | 10/2004 | 15.110 | 8  | 6.78 | 6%  | 10/2005 | 71,190  |    |
| 370 | Hoàng Đình    | Hiếu   | 1942 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 8  | 6.78 |     | 11/2002 | 15.110 | 8  | 6.78 | 5%  | 11/2005 | 237,300 |    |
| 371 | Nguyễn Hải    | Quân   | 1942 |      | PGS-Tiến sỹ | 15.110 | 8  | 6.78 |     | 10/2002 | 15.110 | 8  | 6.78 | 5%  | 10/2005 | 355,950 |    |
| 372 | Hoàng Ngọc    | Bích   | 1949 |      | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 12/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 12% | 12/2005 | 17,430  |    |
| 373 | Vũ Công       | Minh   | 1948 |      | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 12/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 12% | 12/2005 | 17,430  |    |
| 374 | Đoàn Văn      | Cán    | 1950 |      | Đại học     | 15.111 | 9  | 4.98 | 10% | 11/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 11% | 11/2005 | 34,860  |    |



| 1     | 2                    | 3    | 4    | 5         | 6      | 7  | 8    | 9   | 10      | 11     | 12 | 13   | 14  | 15      | 16      | 17 |
|-------|----------------------|------|------|-----------|--------|----|------|-----|---------|--------|----|------|-----|---------|---------|----|
| 378   | Lê Thị Thuấn         |      | 1950 | Đại học   | 15.111 | 9  | 4.98 | 9%  | 12/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 10% | 12/2005 | 17,430  |    |
| 379   | Nguyễn Hữu Báu       | 1951 |      | Đại học   | 15.111 | 9  | 4.98 | 8%  | 12/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 9%  | 12/2005 | 17,430  |    |
| 380   | Nguyễn Thị The       |      | 1952 | Đại học   | 15.111 | 9  | 4.98 | 8%  | 12/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 9%  | 12/2005 | 17,430  |    |
| 381   | Nguyễn Thiện Huyền   |      | 1952 | Thạc sỹ   | 15.111 | 9  | 4.98 | 7%  | 01/2004 | 15.111 | 9  | 4.98 | 8%  | 01/2005 | 182,268 |    |
| 382   | Đỗ Đăng Bấy          | 1950 |      | Đại học   | 15.111 | 9  | 4.98 |     | 09/2002 | 15.111 | 9  | 4.98 | 5%  | 09/2005 | 333,660 |    |
| 383   | Bùi Xuân Sửu         | 1955 |      | Đại học   | 15.111 | 9  | 4.98 |     | 11/2002 | 15.111 | 9  | 4.98 | 5%  | 11/2005 | 174,300 |    |
| R 384 | Bùi Hữu Toàn         | 1946 |      | Đại học   | 15.111 | 9  | 4.98 |     | 12/2002 | 15.111 | 9  | 4.98 | 5%  | 12/2005 | 87,150  |    |
| 385   | Lê Năng Văn          | 1951 |      | Đại học   | 15.111 | 9  | 4.98 |     | 09/2002 | 15.111 | 9  | 4.98 | 5%  | 09/2005 | 333,660 |    |
| 386   | Đỗ Thành Xương       | 1951 |      | Đại học   | 15.111 | 9  | 4.98 |     | 11/2002 | 15.111 | 9  | 4.98 | 5%  | 11/2005 | 174,300 |    |
| 387   | Nguyễn Thị Liễu      |      | 1958 | T.Cấp     | 15.115 | 12 | 4.06 | 5%  | 12/2004 | 15.115 | 12 | 4.06 | 6%  | 12/2005 | 14,210  |    |
| 388   | Phan Thị Minh Nguyệt |      | 1951 | T.Cấp     | 16.119 | 12 | 4.06 | 10% | 11/2004 | 16.119 | 12 | 4.06 | 11% | 11/2005 | 28,420  |    |
| 389   | Nguyễn Văn Đoàn      | 1956 |      | CN-Sơ Cấp | 16.122 | 12 | 3.63 |     | 09/2003 | 16.122 | 12 | 3.63 | 5%  | 09/2005 | 243,210 |    |

  
 KỶ BỘ TRƯỞNG  
 Bộ trưởng  
 Nguyễn Văn Vọng